

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN N  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ - ST  
Ngày: 12/6/2020  
V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Đặng Thị Huệ**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Minh Dũng,
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Liên;

**- Thư ký phiên toà:** Bà Võ An Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2020 về việc “**Tranh chấp ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông **Phạm Minh Quốc H**, sinh năm 1982.

ĐKTT: 5/39 đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

\* **Bi đơn:** Bà **Nguyễn Kim G**, sinh năm 1984.

ĐKTT: 5/39 đường 30/4, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

*(Bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Ông H trình bày:*

Ông và bà G tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A vào năm 2007. Quá trình chung sống, có thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà G không có sự quan tâm, chăm lo cho gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nay, xét thấy tình cảm đối với bà G không còn, nên ông H có yêu cầu được ly hôn với bà G.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Quốc H1 (nam), sinh ngày 03/8/2008. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phía bị đơn – Bà Nguyễn Kim G:* Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà G theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên toà :*

Bà G vắng mặt.

Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày như trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo thủ tục vắng mặt đối với bà G, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo về việc triệu tập, xét xử đối với bà G tại nơi bà G đăng ký hộ khẩu thường trú, theo quy định tại Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nay, căn cứ các thủ tục đã tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà G là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H và bà G tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà G vẫn vắng mặt, cho thấy bà không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với ông H. Điều này cho thấy những mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà là có thật và đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu Phạm Quốc H1 (nam), sinh ngày 03/8/2008 hiện do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông H có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H1 cũng có nguyện vọng là được tiếp tục sống với ba, do vậy đây là căn cứ để tiếp tục giao cháu H1 cho ông H nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 179, 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông **Phạm Minh Quốc H** đối với bà **Nguyễn Kim G.**

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc H1 (nam), sinh ngày 03/8/2008 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà G theo luật định, không ai có quyền ngăn cản

3/ Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 002206 ngày 07/01/2020 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát q. N;
- Thi hành án q. N;
- Tòa án nhân dân TP Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- UBND p An Phú;

(Đã ký)

**Đặng Thị Huệ**